BỘ CÔNG THƯƠNG

TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

****

BÀI VIẾT

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CUNG CẦU VÀ DỰ BÁO MẶT HÀNG RAU CỦ THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG NĂM 2024

(Thực hiện nhiệm vụ "Cung cấp thông tin phân tích và dự báo thị trường nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả kinh doanh, tiêu thụ nông sản trong nước" năm 2024)

MỤC LỤC

I. NGUỒN CUNG 2
1. Tình hình sản xuất rau củ 2
2. Tình hình nhập khẩu 2
II. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ 5
III. DỰ BÁO, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ 10

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Kim ngạch nhập khẩu rau củ tháng 10 và 10 tháng năm 2024, phân theo chủng loại 3
Bảng 2: Kim ngạch nhập khẩu rau củ tháng 10 và 10 tháng năm 2024, phân theo thị trường 4
Bảng 3: Kim ngạch xuất khẩu rau củ tháng 10 và10 tháng năm 2024, phân theo chủng loại 6
Bảng 4: Kim ngạch xuất khẩu rau củ tháng 10 và 10 tháng năm 2024, phân theo thị trường 8
Bảng 5: Doanh nghiệp xuất khẩu rau củ của Việt Nam trong 10 tháng năm 2024 10

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: So sánh cơ cấu mặt hàng rau củ nhập khẩu của Việt Nam 3
Biểu đồ 2: So sánh cơ cấu thị trường nhập khẩu rau củ của Việt Nam 5
Biểu đồ 3: So sánh cơ cấu mặt hàng rau củ xuất khẩu của Việt Nam 7
Biểu đồ 4: So sánh cơ cấu thị trường xuất khẩu rau củ của Việt Nam 9

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CUNG CẦU MẶT HÀNG RAU CỦ VÀ DỰ BÁO

(Tháng 11 và 11 tháng năm 2024)

I. NGUỒN CUNG

1. Tình hình sản xuất rau củ

Ước tính năm 2024, diện tích gieo trồng rau các loại của cả nước đạt khoảng hơn 1 triệu ha/năm, năng suất tính bình quân đạt gần 18 tấn/ha; sản lượng ước đạt 19,7 triệu tấn, tăng 3,7% so với năm 2023.

Diện tích rau được phân bổ đều khắp các vùng trong cả nước. Những tỉnh có năng suất đạt cao nhất là Lâm Đồng, Đăk Lăk, Hải Dương, Thái Bình, Hải Phòng, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang, TP.HCM (trung bình trên 200 tạ/ha). Các vùng có diện tích trồng rau lớn trên cả nước là Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam bộ và Bắc Trung bộ.

Với điều kiện thuận lợi Việt Nam có thể trồng được trên 120 loại rau các loại, trong đó có gần 30 loại rau chủ lực, chiếm tới 80% diện tích và sản lượng. Những chủng loại rau chính gồm cà chua, ớt, dưa chuột, mướp đắng, đậu Hà Lan, đậu đũa, cải các loại và hành tỏi.

2. Tình hình nhập khẩu

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, tháng 10/2024, kim ngạch nhập khẩu rau củ đạt 63,3 triệu USD, giảm 9,1% so với tháng 9/2024; lũy kế 10 tháng năm 2024 đạt 542,8 triệu USD, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 33,3% trong tổng kim ngạch nhập khẩu rau quả cả nước.

Trong đó, đậu các loại là mặt hàng được nhập khẩu nhiều nhất với 14,0 triệu USD, giảm 2,7% so với tháng 9/2024; lũy kế 10 tháng năm 2024 đạt 147,8 triệu USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 27,2% trong tổng kim ngạch nhập khẩu rau.

Xếp vị trí thứ hai là mặt hàng tỏi với 11,9 triệu USD, giảm 23,1% so với tháng trước đó; lũy kế 10 tháng năm 2024 đạt 121,3 triệu USD, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm tỷ trọng 22,3%.

Tiếp theo là mặt hàng cà rốt với 7,0 triệu USD, tăng 8,5% so với tháng trước đó; lũy kế 10 tháng năm 2024 đạt 40,1 triệu USD, giảm 11,9% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm tỷ trọng 7,4%.

10 tháng năm 2024, kim ngạch nhập khẩu một số chủng loại rau củ của cả nước tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước như: xà lách (tăng 68,0%), cải thảo (tăng 41,7%), măng tre (tăng 24,7%)…Tuy nhiên, nhập khẩu củ kiệu, hành củ, hành tây, cà rốt…giảm so với cùng kỳ năm trước.

Bảng 1: Kim ngạch nhập khẩu rau củ tháng 10 và 10 tháng năm 2024, phân theo chủng loại

Chủng loại	T10/2024 (Nghìn USD)	T10/2024 so với T9/2024 (%)	T10/2024 so với T10/2023 (%)	10T/2024 (Nghìn USD)	10T/2024 so với 10T/2023 (%)
Đậu các loại	14.085,5	-2,7	-5,2	147.823,1	6,8
Tỏi	11.989,2	-23,1	17,5	121.302,5	4,6
Cà rốt	7.044,9	8,5	18,0	40.107,5	-11,9
Khoai tây	6.867,9	-21,9	30,5	33.011,1	5,2
Nấm	6.598,7	5,9	14,7	61.168,1	-1,3
Hành tây	3.750,7	-4,3	-10,7	29.135,0	-19,9
Cải thảo	1.895,8	1,1	33,6	17.170,4	41,7
Mộc nhĩ	1.802,1	35,8	41,8	15.834,8	11,9
Bắp cải	1.752,3	-26,0	-31,0	15.521,0	24,3
Hành củ	1.379,7	-12,4	-46,5	12.459,1	-44,7

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

Biểu đồ 1: So sánh cơ cấu mặt hàng rau củ nhập khẩu của Việt Nam

10T/2023 **10T/2024**

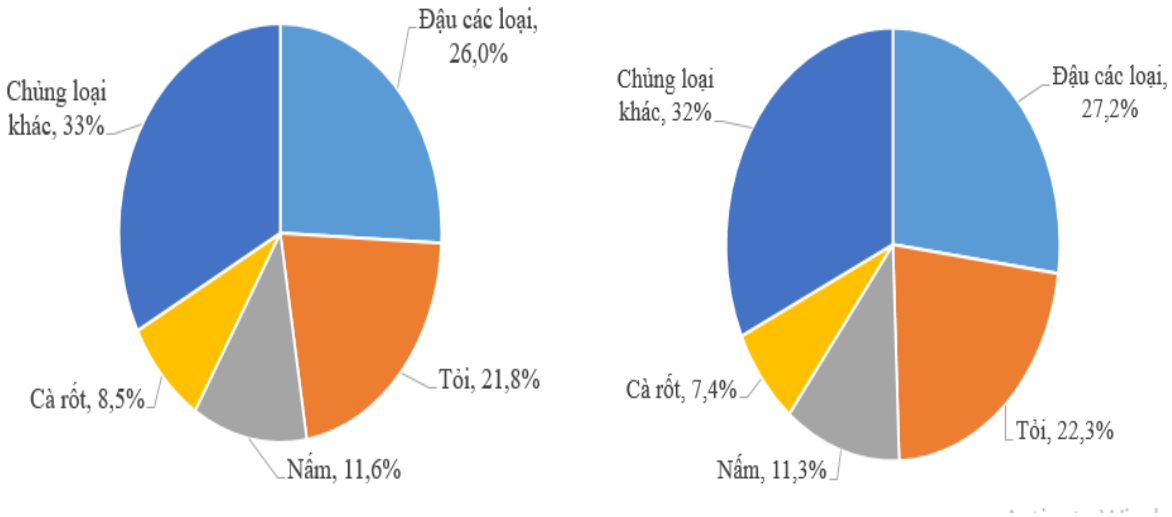

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

+Thị trường nhập khẩu

Trong 10 tháng năm 2024, Trung Quốc là thị trường cung cấp rau củ lớn nhất cho Việt Nam, kim ngạch nhập khẩu từ thị trường này đạt hơn 368,0 triệu USD, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 67,1% trong tổng kim ngạch nhập khẩu rau củ của cả nước.

Đứng thứ hai là thị trường Myanmar 95,5 triệu USD, tăng 29,7% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 18,0% trong tổng kim ngạch nhập khẩu rau củ của cả nước. Tiếp đến là thị trường Úc đạt 22,9 triệu USD, tăng 118,2% so cùng kỳ 2023, chiếm 4,4% trong tổng kim ngạch.

Cơ cấu thị trường nhập khẩu rau củ của Việt Nam có sự thay đổi khi tỷ trọng của thị trường Trung Quốc, Myanmar, Úc tăng; Trong khi thị phần từ thị trường Ấn Độ giảm nhẹ.

Bảng 2: Kim ngạch nhập khẩu rau củ tháng 10 và 10 tháng năm 2024, phân theo thị trường

Thị trường	T10/2024 (Nghìn USD)	T10/2024 so với T9/2024 (%)	T10/2024 so với T10/2023 (%)	10T/2024 (Nghìn USD)	10T/2024 so với 10T/2023 (%)
Trung Quốc	46.099,6	-12,8	15,6	368.014,8	5,1
Myanmar	9.199,6	25,9	19,4	95.533,8	29,7
Úc	1.868,1	-50,2	-4,0	22.907,9	118,2
Singapore	1.436,4	2,3	6,7	9.015,3	13,5
Ấn Độ	1.200,5	128,1	-47,1	13.873,2	-56,5
Đức	713,8	0	-21,4	936,9	-20,1
Hàn Quốc	543,5	-6,4	14,6	3.071,6	-20,6
Hoa Kỳ	487,5	248,3	60,4	2.340,7	-5,2
Thái Lan	460,5	-72,9	95,0	7.941,0	61,4
Lào	327,5	395,3	-32,3	425,4	-56,6

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

Biểu đồ 2: So sánh cơ cấu thị trường nhập khẩu rau củ của Việt Nam

10T/2023 **10T/2024**

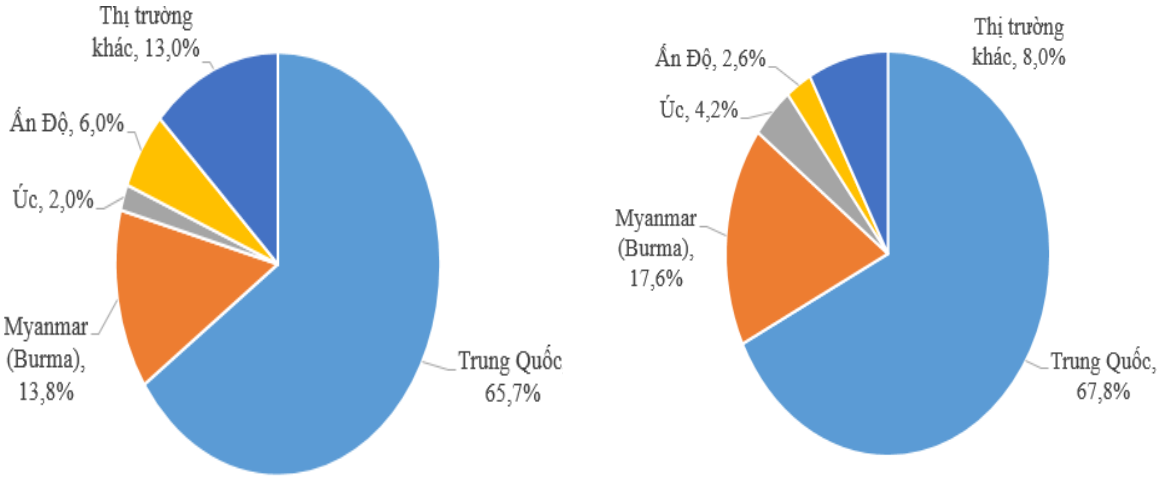

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

II. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ

Về xuất khẩu, theo thống kê của Tổng cục Hải quan, tháng 10/2024, kim ngạch xuất khẩu rau củ đạt 20,4 triệu USD, giảm 10,5% so với tháng 9/2024 và giảm 9,2% so với tháng 10/2023. Tính chung 10 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này đạt 253,8 triệu USD, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 5,0% trong tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của cả nước.

Trong đó, ớt là mặt hàng được xuất khẩu nhiều nhất với 4,2 triệu USD, tăng 23,6% so với tháng 9/2024; lũy kế 10 tháng năm 2024 đạt 59,1 triệu USD, giảm 2,0% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 23,3% trong tổng kim ngạch xuất khẩu rau củ cả nước.

Tiếp theo là khoai lang với 2,7 triệu USD, tăng 19,8% so với tháng trước; lũy kế đạt 32,8 triệu USD, tăng 40,7%, chiếm tỷ trọng 13,0%. Xuất khẩu đậu các loại đạt 1,6 triệu USD, giảm 25,8% so với tháng 9/2024; lũy kế 10 tháng năm 2024 đạt 24,3 triệu USD, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ trọng 9,6% xuất khẩu rau củ cả nước.

10 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu một số chủng loại rau củ của cả nước tăng trưởng với mức tăng từ 2 đến 3 con số so với cùng kỳ năm trước như: ngô (tăng 244,0%), tỏi (tăng 170,9%), xà lách (tăng 88,6%), khoai mỡ (tăng 84,4%), xà lách…Trong khi, xuất khẩu hành tây, bắp non, súp lơ, khoai môn…giảm so với cùng kỳ năm trước.

Bảng 3: Kim ngạch xuất khẩu rau củ tháng 10 và 10 tháng năm 2024, phân theo chủng loại

Chủng loại	T10/2024 (Nghìn USD)	T10/2024 so với T9/2024 (%)	T10/2024 so với T10/2023 (%)	10T/2024 (Nghìn USD)	10T/2024 so với 10T/2023 (%)
Ớt	4.219,7	23,6	14,2	59.182,4	-2,0
Khoai lang	2.744,2	19,8	38,7	32.892,3	40,7
Đậu các loại	1.667,7	-25,8	-38,5	24.372,9	4,6
Ngô	1.331,5	105,4	344,8	9.556,0	244,0
Súp lơ	1.266,2	-32,4	-53,9	17.462,0	-10,0
Hành tây	1.256,5	-31,5	52,0	4.632,1	-33,6
Cải thảo	1.207,2	-7,1	24,1	13.911,9	33,9
Tỏi	855,3	19,7	15,1	9.793,6	170,9
Măng	685,9	-15,9	39,3	5.774,7	31,3
Nấm các loại	513,7	-65,0	-38,0	8.860,1	-8,4
Khoai mỡ	375,6	32,0	58,1	2.792,2	84,4
Xà lách	337,7	-62,7	-11,9	3.937,8	88,6
Bí	322,5	50,7	30,1	3.337,4	-6,3
Hành củ	309,3	-30,5	-3,9	3.196,8	10,2
Khoai môn	224,9	-22,8	-47,4	3.759,8	-6,6
Củ dền	220,6	-7,7	57,8	1.797,6	13,2
Bắp cải	220,0	-53,7	-79,2	6.575,1	25,9
Khoai tây	213,5	-19,2	-16,4	2.714,2	4,8
Bắp non	196,1	-67,9	-77,3	6.871,1	-31,6

Chủng loại	T10/2024 (Nghìn USD)	T10/2024 so với T9/2024 (%)	T10/2024 so với T10/2023 (%)	10T/2024 (Nghìn USD)	10T/2024 so với 10T/2023 (%)
Sả	153,4	59,4	-28,5	1.772,0	-9,3
Mộc nhĩ	132,8	18,2	-42,6	2.076,8	4,5
Lá mì	123,7	95,3	-27,3	961,0	25,5
Củ kiệu	115,6	14,1	-58,3	648,5	-3,5
Dưa chuột	107,6	-47,7	0	1.634,2	33,7
Củ sen	93,5	207,4	6.037,1	512,0	84,5

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

Biểu đồ 3: So sánh cơ cấu mặt hàng rau củ xuất khẩu của Việt Nam

10T/2023 **10T/2024**

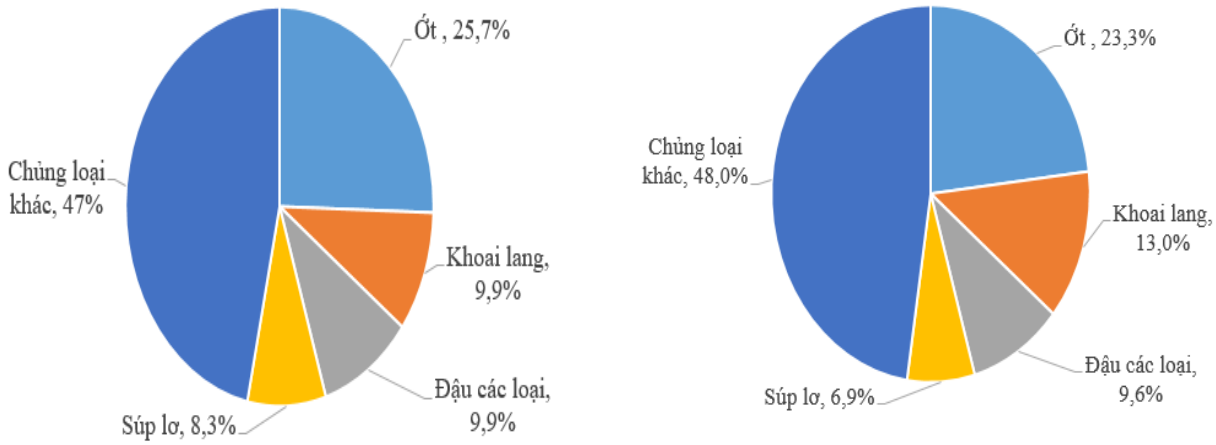

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

Trong tháng 10 /2024, Đài Loan là thị trường tiêu thụ rau củ lớn nhất của Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này đạt 5,8 triệu USD, giảm 36,7% so với tháng 9/2024; lũy kế 10 tháng năm 2024 đạt hơn 68,0 triệu USD, tăng 4,3% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 26,8% trong tổng kim ngạch xuất khẩu rau củ của cả nước.

Đứng thứ hai là thị trường Nhật Bản đạt 3,4 triệu USD, tăng 2,9% so với tháng 9/2024; lũy kế 10 tháng năm 2024 đạt 36,8 triệu USD, tăng 19,2% so với cùng kỳ 2023, chiếm 14,5% trong tổng kim ngạch.

Tiếp đến là thị trường Hàn Quốc đạt 2,1 triệu USD, tăng 22,0% so với tháng 9/2024; lũy kế 10 tháng năm 2024 đạt 30,5 triệu USD, tăng 5,7% so cùng kỳ 2023, chiếm 12,1% trong tổng kim ngạch.

Tính chung 10 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu rau củ của nước ta sang hầu hết các thị trường truyền thống đều tăng, ngoại trừ Singapore, Trung Quốc, Thái Lan...

Bảng 4: Kim ngạch xuất khẩu rau củ tháng 10 và 10 tháng năm 2024, phân theo thị trường

Thị trường	T10/2024 (Nghìn USD)	T10/2024 so với T9/2024 (%)	T10/2024 so với T10/2023 (%)	10T/2024 (Nghìn USD)	10T/2024 so với 10T/2023 (%)
Đài Loan	5.823,0	-36,7	-28,2	68.098,1	4,3
Nhật Bản	3.478,4	2,9	16,3	36.849,7	19,2
Hàn Quốc	2.151,5	22,0	-3,3	30.599,4	5,7
Singapore	1.512,6	0,7	-4,3	16.118,7	-1,8
Hoa Kỳ	1.471,8	1,5	-0,9	16.790,5	19,4
Malaixia	1.088,0	13,4	106,9	9.489,4	17,3
Campuchia	519,6	-23,7	11,9	7.547,1	13,7
Thái Lan	455,6	-13,5	-16,2	5.766,0	-8,0
Trung Quốc	428,4	-7,4	-63,5	26.002,5	-13,7
Pháp	378,3	-17,8	19,8	4.442,7	66,4
Canada	366,1	16,9	17,2	3.502,3	13,8
Úc	326,8	-22,4	10,1	3.222,6	12,5
Lào	324,4	14,1	-24,0	7.418,7	256,0
Đức	313,0	9,9	49,2	2.542,5	42,7

Thị trường	T10/2024 (Nghìn USD)	T10/2024 so với T9/2024 (%)	T10/2024 so với T10/2023 (%)	10T/2024 (Nghìn USD)	10T/2024 so với 10T/2023 (%)
Hà Lan	264,2	126,1	44,4	1.968,3	26,5
Anh	252,6	759,7	87,1	1.301,2	-3,8
Nga	165,7	24,8	49,2	810,7	91,1

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

Biểu đồ 4: So sánh cơ cấu thị trường xuất khẩu rau củ của Việt Nam

10T/2023 **10T/2024**

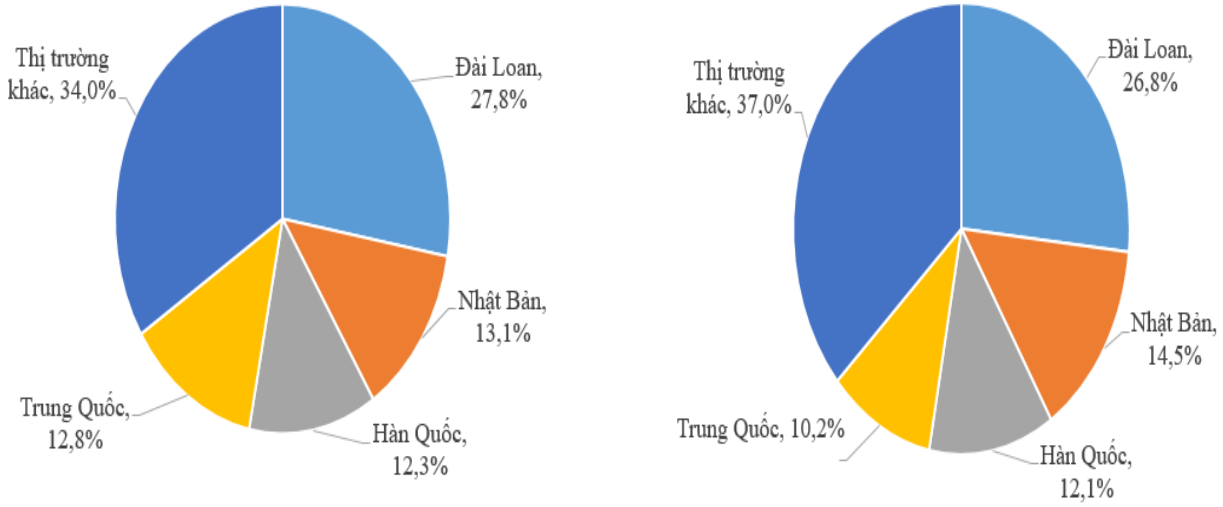

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

Trong 10 tháng năm 2024, Công ty cổ phần Bắc Mỹ Châu là doanh nghiệp xuất xuất rau củ lớn nhất của Việt Nam chiếm 5,3% tổng kim ngạch xuất xuất rau củ. Tiếp theo là Công ty cổ phần Nông Sản Hcd, chiếm 4,2% tổng kim ngạch xuất xuất rau củ, Công ty cổ phần rau quả thực phẩm An Giang chiếm 3,8% tổng kim ngạch xuất xuất rau củ.

Bảng 5: Doanh nghiệp xuất khẩu rau củ của Việt Nam trong 10 tháng năm 2024

Doanh nghiệp	Tỷ trọng (% tính theo KN)
Công ty cổ phần Bắc Mỹ Châu	5,3
Công ty cổ phần Nông Sản Hcd	4,2
Công ty cổ phần rau quả thực phẩm An Giang	3,8
Công ty TNHH dịch vụ xuất nhập khẩu Nam Dương	3,4
Công ty TNHH xuất nhập khẩu - rau quả Phú Mỹ Châu	2,9
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Xaxa	2,7
Công ty TNHH xuất nhập khẩu thương mại An Đại Phát	2,5
Công ty TNHH một thành viên An Hải Phát	2,5
Công ty TNHH Amg Vũng Tàu	1,8
Công ty cổ phần thủy sản Bạc Liêu	1,5

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

III. DỰ BÁO, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Với tốc độ tăng trưởng như hiện tại, triển vọng xuất khẩu hàng rau củ của Việt nam trong những tháng cuối năm 2024 dự báo tiếp tục khởi sắc. Dư địa tại các thị trường lớn còn nhiều, cùng với đó chất lượng rau củ của Việt Nam đã có sự cải thiện lớn, bảo đảm các tiêu chí vào nhiều thị trường, mở ra nhiều cơ hội phía trước.

Tuy nhiên, ngành hàng rau củ cũng cần duy trì, nâng cao chất lượng, tuân thủ nghiêm quy định về chất lượng, truy xuất nguồn gốc mới có thể tận dụng được cơ hội thị trường.

Các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu rau củ cần xây dựng vùng sản xuất tập trung, tạo điều kiện người dân liên kết sản xuất rau củ đạt các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP… Đồng thời, hỗ trợ các hợp tác xã chuyên canh về vốn, kỹ thuật, tạo điều kiện để các hợp tác xã tham gia chuỗi giá trị.

Về phía nhà nước, cần tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, đường xá, kho bãi, cơ sở chế biến. Các cơ quan chức năng cũng cần đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kênh phân phối hiện đại, sàn thương mại điện tử; tạo điều kiện để phát triển thương hiệu, giúp tăng tốc xuất khẩu mặt hàng rau củ ra thế giới.